TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 8 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị G. Cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Thanh Phương, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trịnh Thị G và ông Lê Thanh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà G: Quá trình chung sống ông P không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác; trong cuộc sống ông P không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi. Theo ông P: Do thời gian

gần đây, bà G thường xuyên đi nhậu (có lần đi nhậu cùng với anh rể của bà G); khi bà G không quan tâm đến gia đình thì ông có đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống.

Từ các nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể quay lại hàn gắn nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống bà G và ông P có 02 người con chung gồm: Lê Thanh N và Lê Minh N1 đều trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị G và ông Lê Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà G và ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn với nhau.

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà G và ông P là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đều đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị G và ông Lê Thanh P.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010213 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.